

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày 27/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tòng Văn Quân.
2. Ông Cà Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Vàng A Vừ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/HSST ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T V H** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1996; nơi sinh: Huyện T G, tỉnh Đ B; nơi cư trú: Bản N Ng A, xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B; nghề nghiệp: Cán bộ văn hóa bưu điện xã P Nh; trình độ văn hóa: 12/12 PT; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T V P - Sinh năm: 1977 và bà: L Th Th - Sinh năm: 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 02/01/2018, sau đó cùng ngày 02/01/2018 bị thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bưu điện huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B.

Người đại diện theo pháp luật là anh V V Q - Sinh năm: 1991 - Chức vụ phó giám đốc.

Nơi công tác: Bưu điện huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông S G S - Sinh năm: 1923.

Nơi cư trú: Bản P Nh D, xã P Nh huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B.

Người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh S A Kh - Sinh năm: 1996 (con trai ông S).

Nơi cư trú: Bản P Nh C, xã P Nh huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B. Có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

2- Ông H G C - Sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: Bản P C, xã P Nh huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B.

Người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H A N - Sinh năm: 1984 (con trai ông C). Nơi cư trú: Bản N Ng A, xã P Nh huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B. Có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

3- Phòng lao động Thương binh và xã hội huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B.

Người đại diện theo pháp luật là anh B X Th - Sinh năm: 1982 - Chức vụ: Trưởng phòng.

Nơi công tác: Phòng lao động Thương binh và xã hội huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B.

Người đại diện theo ủy quyền là anh H A Th - Sinh năm: 1988. Nơi công tác: Phòng lao động Thương binh và xã hội huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B. Có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

4- Anh L V Kh - Sinh năm: 1967.

Nơi cư trú: Bản Nong Chứn, phường N Th, thành phố Đ B phủ. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 14 tháng 8 năm 2017; T V H là nhân viên hợp đồng Bưu điện văn hóa xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B, trong quá trình thực hiện việc phát tiền bảo trợ xã hội theo hợp đồng đã ký giữa Bưu điện với phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đ B Đ, H đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 14 tháng 8 năm 2017, L V Kh là nhân viên Bưu tá thuộc Bưu điện huyện Đ B Đ chuyển phiếu chứng từ và danh sách nhận tiền truy lĩnh trợ cấp bảo hiểm xã hội của ông S G S, trú tại bản P Nh C, xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B với tổng số tiền là: 15.930.000đ cho T V H, yêu cầu H phát tiền cho ông S, đến sáng ngày 20 tháng 8 năm 2017 T V H đã tự ý dùng ngón tay cái của bàn tay phải điểm chỉ vào phần nhận tiền sau đó ký tên S bên dưới, chiếm đoạt số tiền 15.930.000đ để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Trong đó H đã đưa cho ông nội H 5.000.000đ để chữa bệnh, chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết 5.000.000đ. Ngày 18/9/2017 gia đình ông S đến hỏi tiền truy lĩnh, H đã nói dối là chỉ có tiền 03 tháng 7, 8, 9 và đã trả cho ông S số tiền 810.000đ. Ngày 23 và ngày 26 tháng 9 năm 2017 T V H đã mang nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B Đ tổng số tiền là 15.600.000đ để khắc phục hậu quả cho gia đình ông S (T Văn H chỉ có trách nhiệm chi trả tiền trợ cấp cho ông S đến

tháng 7/2017, do đó H chỉ phải trả cho gia đình ông S số tiền 15.120.000đ, còn lại là 540.000đ trả lại cho T V H).

Lần 2: Ngày 14 tháng 9 năm 2017, L V Kh mang chứng từ và danh sách nhận tiền mai táng phí của gia đình ông H G C, trú tại bản P C, xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B yêu cầu H phát tiền cho gia đình ông C, T V H không đi phát tiền cho gia đình ông C. Ngày 20/9/2017 H tự ý dùng bút ký tên N vào phần nhận tiền và chiếm đoạt 5.400.000đ để tiêu xài cá nhân. Số tiền này H đã sử dụng hết 200.000đ. Ngày 22/11/2017 H đã trả lại số tiền 5.400.000đ cho ông C.

Tại bản kết luận giám định số 128/GĐ-PC54 ngày 25/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ B kết luận: Chữ viết đứng tên H A N trên “DANH SÁCH CHI TRẢ MAI TÁNG PHÍ THÁNG 9 NĂM 2017 XÃ P NH, dòng thứ 4 dưới mục “Họ tên người đứng nhận tiền” đề ngày 05/9/2017, ký hiệu A và chữ viết trên “BẢN TỰ KHAI”, đề ngày 26/9/2017, đứng tên T V H, ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra; Chữ viết đứng tên H A N trên “DANH SÁCH CHI TRẢ MAI TÁNG PHÍ THÁNG 9 NĂM 2017 XÃ P NH”, dòng thứ 4 dưới mục “Họ tên người nhận tiền” đề ngày 05/9/2017, ký hiệu A và chữ viết trên “BẢN TƯỜNG TRÌNH” đề ngày 24/11/2017, đứng tên H A N, ký hiệu M2 không phải do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B truy tố bị cáo T V H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo đã thừa nhận có hành vi hai lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (giả mạo chữ ký và điểm chỉ) với số tiền 21.330.000đ với mục đích để tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T V H cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); áp dụng các điểm b điểm i điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo T V H từ 14 đến 20 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Bị cáo chỉ mong Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo để sớm trở về với gia đình làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T V H thừa nhận đã có hành vi lạm dụng chiếm đoạt tài sản 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 14 tháng 8 năm 2017, L V Kh là nhân viên Bưu tá thuộc Bưu điện huyện Đ B Đ chuyển phiếu chứng từ và danh sách nhận tiền truy lĩnh trợ cấp bảo hiểm xã hội của ông S G S, trú tại bản P Nh C, xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B với tổng số tiền là: 15.930.000đ cho T V H, yêu cầu H phát tiền cho ông S, đến sáng ngày 20 tháng 8 năm 2017 T V H đã tự ý dùng ngón tay cái của bàn tay phải điểm chỉ vào phần nhận tiền sau đó ký tên S bên dưới, chiếm đoạt số tiền 15.930.000đ để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Trong đó H đã đưa cho ông nội H 5.000.000đ để chữa bệnh, chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết 5.000.000đ. Ngày 18/9/2017 gia đình ông Sò đến hỏi tiền truy lĩnh, H đã nói dối là chỉ có tiền 03 tháng 7, 8, 9 và đã trả cho ông Sò số tiền 810.000đ. Ngày 23 và ngày 26 tháng 9 năm 2017 T V H đã mang nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B Đ tổng số tiền là 15.600.000đ để khắc phục hậu quả cho gia đình ông Sò (T V H chỉ có trách nhiệm chi trả tiền trợ cấp cho ông S đến tháng 7/2017, do đó H chỉ phải trả cho gia đình ông S số tiền 15.120.000đ, còn lại là 540.000đ trả lại cho T V H).

Lần 2: Ngày 14 tháng 9 năm 2017, L V Kh mang chứng từ và danh sách nhận tiền mai táng phí của gia đình ông H G C, trú tại bản P C, xã P Nh, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ B yêu cầu H phát tiền cho gia đình ông C, T V H không đi phát tiền cho gia đình ông C. Ngày 20/9/2017 H tự ý dùng bút ký tên N vào phần nhận tiền và chiếm đoạt 5.400.000đ để tiêu xài cá nhân. Số tiền này H đã sử dụng hết 200.000đ. Ngày 22/11/2017 H đã trả lại số tiền 5.400.000đ cho ông C. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 02 lần của bị cáo đã vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội 02 lần nên đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi năm 2009) đang có hiệu lực nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo T V H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định: “1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ *bốn triệu đồng* đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới *bốn triệu đồng* nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó”.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Tuy chỉ mang tính chất giản đơn nhưng rất nguy hiểm cho xã hội nhằm chiếm đoạt tài của những người được hưởng chế độ chính sách và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo sinh ra và lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng trưởng thành học hết lớp 12/12 PT, năm 2014 theo học lớp Cao đẳng văn phòng tại trường kinh tế tỉnh Đ B, sau đó đến ngày 01/5/2017 làm hợp đồng cán bộ văn hóa bưu điện xã P Nh. Bị cáo là một thanh niên có tuổi đời đang còn rất trẻ sinh năm 1996 nhưng chỉ muốn kiếm tiền trên mồ hôi xương máu của người khác. Để đến ngày 02/01/2018 bị bắt tạm giam về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Sau đó cùng ngày 02/01/2018 cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B Đ đề nghị thay thế biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo cho đến nay. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Nhưng bị cáo lại phạm tội 02 lần do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục cho bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo chưa có gia đình riêng, sống phụ thuộc gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo

rất khó khăn, khó có điều kiện để thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Công an đã thu giữ một hộp lọ mực màu đen nhãn hiệu “CỬU LONG” đã qua sử dụng được đựng trong túi nilon màu trắng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu và tiêu hủy theo Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX, xét thấy hợp lý cần chấp nhận.

Đối với vật chứng vụ án được thu giữ theo biên bản niêm phong ngày 23 và ngày 26 tháng 9 năm 2017 gồm số tiền 15.660.000đ T V H đã giao nộp 02 lần tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả do Bưu điện huyện Đ B Đ đã ứng trước số tiền này để hoàn trả cho người bị hại là ông Cá và ông Sò nên hoàn trả lại cho Bưu điện (Trong đó: Hoàn trả 15.120.000đ cho Bưu điện huyện Đ B Đ, còn số tiền 540.000đ trả lại cho bị cáo T V H). HĐXX xét thấy hợp lý cần được chấp nhận.

Đối với ông V V Q là người đại theo pháp luật cho Bưu điện huyện Đ B Đ cũng không có đề nghị gì thêm. HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Đối với ông L V Kh là nhân viên Bưu tá thuộc Bưu điện huyện Đ B Đ, quá trình điều tra làm rõ ông Kh không liên quan đến hành vi phạm tội của T V H. Do đó không đề cập xử lý. HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Đối với các ông S G S và H G C đã nhận lại được toàn bộ số tiền do T V H chiếm đoạt. Do đó ông S và ông C không có đề nghị gì thêm. HĐXX cũng không đặt vấn đề xem xét.

Đối với ông B X Th là người đại diện theo pháp luật cho Phòng lao động thương binh và xã hội không có yêu cầu gì. HĐXX cũng không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu 200.000đ án phí HSST. Tuy nhiên, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú tại xã P Nh, huyện Đ B Đ nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo T V H phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”: Xử phạt bị cáo T V

H 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 hộp lọ mực màu đen nhãn hiệu “CỬU LONG” đã qua sử dụng được đựng trong túi nilon màu trắng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 08/3/2018 giữa cơ quan Công an huyện Đ B Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ B Đ.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo T V H.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2018). Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên Đông;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ C.A huyện ĐBĐ;
- Phòng NVHS CA huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện Điện Biên Đông;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ.

Lê Hồng Quang